

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Hệ thống các quy định đối với Sinh viên

**GIÁM ĐỐC PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
TẠI TỈNH GIA LAI**

Căn cứ vào Điều lệ Trường Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ Tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2020/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 1282/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Chính trị & Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Hệ thống các quy định đối với sinh viên của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Gia Lai (có văn bản kèm theo).

Điều 2. Hệ thống các quy định này được áp dụng từ năm học 2020 – 2021.

Điều 3. Trưởng các đơn vị và sinh viên của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Gia Lai chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Ban giám đốc (chỉ đạo);
- BCH các đoàn thể (phối hợp);
- Như điều 3;
- Lưu VT, CTSV.

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
PHÂN HIỆU
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
LÂM NGHIỆP
TỈNH GIA LAI
Ngô Văn Long

HỆ THỐNG CÁC QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN
(Kèm theo Quyết định số: 09./QĐ-PHGL-CTSV ngày 25. /01/2021)

PHẦN I

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CÔNG TÁC SINH VIÊN

1. Nhiệm vụ và quyền của sinh viên

1.1. Nhiệm vụ của sinh viên:

1.1.1. Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ trường đại học và các quy chế, nội quy của trường.

1.1.2. Học tập và rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của trường; chủ động, tích cực tự học, nghiên cứu, sáng tạo và rèn luyện đạo đức, lối sống.

1.1.3. Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của nhà trường; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn hóa trong trường học.

1.1.4. Giữ gìn và bảo vệ tài sản của nhà trường; hành động góp phần bảo vệ, xây dựng và phát huy truyền thống của nhà trường.

1.1.5. Thực hiện đầy đủ quy định về việc khám sức khỏe khi mới nhập học và khám sức khỏe định kỳ trong thời gian học tập theo quy định.

1.1.6. Đóng học phí, bảo hiểm y tế đầy đủ đúng thời hạn.

1.1.7. Tham gia lao động công ích, hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội vì cộng đồng phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của nhà trường.

1.1.8. Chấp hành nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự điều động của Nhà nước khi được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo Hiệp định ký kết với Nhà nước, nếu không chấp hành phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo theo quy định của chính phủ.

1.1.9. Tham gia phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử và các hoạt động khác của sinh viên; kịp thời báo cáo với Khoa chuyên môn, Phòng chức năng, Giám đốc Phân hiệu hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện những hành vi tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử hoặc những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế khác của sinh viên, cán bộ, giáo viên trong trường.

1.1.10. Tham gia công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong trường học, gia đình và cộng đồng.

1.1.11. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật và nhà trường.

1.2. Quyền của sinh viên:

1.2.1. Được nhận vào học đúng ngành nghề đã đăng ký dự tuyển nếu đủ các điều kiện trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và nhà trường.

1.2.2. Được nhà trường tôn trọng và đối xử bình đẳng; được cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân về việc học tập, rèn luyện theo quy định của nhà trường; được nhà trường phổ biến nội quy, quy chế về đào tạo, rèn luyện và các chế độ, chính sách của Nhà nước có liên quan đến sinh viên.

1.2.3. Được tạo điều kiện trong học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện, bao gồm:

a) Sử dụng thư viện, các trang thiết bị và phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, thí nghiệm, NCKH, văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao.

b) Tham gia nghiên cứu khoa học, thi sinh viên giỏi, thi Olympic các môn học, thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật.

c) Chăm lo, bảo vệ sức khoẻ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

d) Đăng ký dự tuyển đi học, tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi sinh viên ở nước ngoài; học chuyển tiếp ở các trình độ đào tạo cao hơn theo quy định hiện hành.

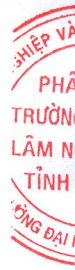
e) Tham gia hoạt động trong tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam; tham gia các tổ chức tự quản của sinh viên, các hoạt động xã hội có liên quan ở trong và ngoài nhà trường theo quy định của pháp luật; các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao lành mạnh, phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường.

f) Sử dụng các dịch vụ công tác xã hội hiện có của nhà trường (*Dịch vụ hướng nghiệp, tư vấn việc làm, tư vấn tâm lý, ...*).

g) Nghỉ học tạm thời, tạm ngừng học, học theo tiến độ chậm, tiến độ nhanh, học cùng lúc hai chương trình, chuyển trường theo quy định của quy chế về đào tạo của Bộ GD&ĐT; được nghỉ hè, nghỉ tết, nghỉ lễ theo quy định.

1.2.4. Được hưởng các chế độ, chính sách, được xét nhận học bổng khuyến khích học tập, học bổng do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ theo quy định hiện hành; được miễn giảm phí khi sử dụng các dịch vụ công cộng về giao thông, giải trí, tham quan viện bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hoá theo quy định của Nhà nước.

1.2.5. Được góp ý kiến, tham gia quản lý và giám sát các hoạt động giáo dục và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị các giải pháp góp phần xây dựng và phát triển nhà trường; đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Giám đốc giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên.



1.2.6. Được xét tiếp nhận vào ký túc xá và ưu tiên khi sắp xếp vào ở ký túc xá theo quy định.

1.2.7. Sinh viên đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp được nhà trường cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, bảng điểm học tập và rèn luyện, các giấy tờ liên quan khác và giải quyết các thủ tục hành chính.

2. Các hành vi sinh viên không được làm

2.1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, thân thể của nhà giáo, cán bộ, viên chức nhà trường và sinh viên khác.

2.2. Gian lận trong học tập như: quay cóp, mang tài liệu vào phòng thi, xin điểm; học, thi, thực tập hộ người khác hoặc nhờ người khác học, thi, thực tập; sao chép, nhờ hoặc làm hộ tiểu luận, đề án, khoá luận tốt nghiệp; tổ chức hoặc tham gia tổ chức thi hộ hoặc các hành vi gian lận khác.

2.3. Hút thuốc, uống rượu, bia trong giờ học; say rượu, bia khi đến lớp.

2.4. Gây rối an ninh, trật tự trong trường hoặc nơi công cộng.

2.5. Tham gia đua xe hoặc cò vũ đua xe trái phép.

2.6. Đánh bạc dưới mọi hình thức.

2.7. Sản xuất, buôn bán, vận chuyển, phát tán, tàng trữ, sử dụng hoặc lôi kéo người khác sử dụng vũ khí, chất nổ, các chất ma tuý, các loại hoá chất cấm sử dụng, các tài liệu, ấn phẩm, thông tin phản động, đồi trụy và các tài liệu cấm khác theo quy định của Nhà nước; tổ chức, tham gia, truyền bá các hoạt động mê tín dị đoan, các hoạt động tôn giáo trong nhà trường và các hành vi vi phạm đạo đức khác.

2.8. Vi phạm các quy định về an toàn giao thông.

2.9. Kích động, lôi kéo người khác biểu tình, viết truyền đơn, áp phích trái pháp luật; Tham gia biểu tình, tụ tập đông người, khiếu kiện trái quy định của pháp luật.

2.10. Thành lập, tham gia các hoạt động mang tính chất chính trị trái pháp luật; tổ chức, tham gia các hoạt động tập thể mang danh nghĩa nhà trường khi chưa được Giám đốc cho phép.

2.11. Đăng tải, bình luận, chia sẻ bài viết, hình ảnh có nội dung dung tục, bạo lực, đồi trụy, xâm phạm lợi ích quốc gia, chống phá Đảng và nhà nước, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự nhân phẩm của cá nhân trên mạng Internet.

PHẦN II

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN NỘI TRÚ

1. Đối tượng ưu tiên tiếp nhận ở nội trú

Thứ tự ưu tiên khi tiếp nhận sinh viên vào ở nội trú, trong trường hợp số người có nguyện vọng vào ở nội trú lớn hơn khả năng tiếp nhận của khu nội trú như sau:

1.1. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động, thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, sinh viên khuyết tật.

1.2. Con liệt sỹ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của người có công.

1.3. Sinh viên có hộ khẩu thường trú tại vùng cao, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

1.4. Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số.

1.5. Con mồ côi cả cha và mẹ.

1.6. Sinh viên là con hộ nghèo, cận nghèo theo quy định hiện hành của Nhà nước.

1.7. Sinh viên tích cực tham gia các hoạt động do nhà trường, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, khu nội trú hoặc các tổ chức xã hội tổ chức.

2. Thủ tục đăng ký ở nội trú

2.1. Viết đơn xin ở nội trú và nộp bản sao giấy Chứng minh nhân dân; 02 ảnh 4 x 6 cho cán bộ quản lý khu nội trú.

2.2. Nộp phí nội trú tại Phòng Tài chính kế toán.

2.3. Ký hợp đồng ở nội trú với Bộ phận chức năng.

2.4. Nhận phòng ở nội trú từ Bộ phận chức năng.

3. Quyền hạn của sinh viên nội trú

3.1. Được quyền ăn, ở, tự học, sinh hoạt trong khu nội trú theo hợp đồng đã ký.

3.2. Được quyền sử dụng các trang thiết bị phục vụ các điều kiện ăn, ở, tự học, sinh hoạt.

3.3. Được tham gia các hoạt động phục vụ đời sống văn hóa, tinh thần do khu nội trú tổ chức.

3.4. Được đảm bảo An ninh, trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường.

3.5. Được khiếu nại hoặc đề đạt nguyện vọng, yêu cầu đến Giám đốc những vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của sinh viên ở trong khu nội trú.

4. Nghĩa vụ và các quy định đối với sinh viên nội trú

4.1. Nộp đủ và đúng hạn phí nội trú theo quy định. Những sinh viên thuộc đối tượng chính sách muốn được miễn, giảm phí nội trú phải làm đơn trình Giám đốc xem xét quyết định.

4.2. Không được tự ý sửa chữa, cải tạo phòng ở, không di chuyển chỗ ở, tài sản, trang thiết bị ra khỏi vị trí đã được bố trí.

4.3. Chịu trách nhiệm đền bù về những hư hỏng, mất mát do mình gây ra đối với các trang thiết bị của khu nội trú; tự bảo quản tư trang và đồ đạc của mình.

4.4. Tiết kiệm điện, nước, phòng chống cháy nổ, có ý thức giữ gìn và bảo vệ tài sản chung trong khu nội trú.

4.5. Thực hiện đăng ký tạm trú theo đúng quy định của Luật Cư trú hiện hành. Nếu vắng mặt tại khu nội trú quá 1 ngày phải báo với tổ quản lý khu nội trú.

4.6. Không được chuyển nhượng hoặc cho thuê lại hợp đồng nội trú.

4.7. Thực hiện yêu cầu của tổ quản lý khu nội trú về việc điều chuyển chỗ ở trong trường hợp cần thiết và có lý do chính đáng.

4.8. Tham gia trực nội trú theo lịch phân công. Tham gia đầy đủ kế hoạch làm vệ sinh môi trường khi được điều động.

4.9. Quần áo, tư trang, chăn màn, đồ dùng cá nhân, sách vở phải để gọn gàng ngăn nắp; Tắm giặt, phơi quần áo, chăn màn; Để xe đạp, xe máy, các vật dụng công kênh khác đúng nơi quy định trong phòng ở.

4.10. Chỉ được tổ chức hội họp, ca hát, tiếp khách trong phòng ở khi được phép của tổ quản lý khu nội trú.

5. Các hành vi sinh viên nội trú không được làm

5.1. Tạo ra hoặc tàng trữ, sử dụng các loại vũ khí, hung khí, pháo nổ, chất nổ, chất gây cháy, hóa chất độc hại.

5.2. Tạo ra hoặc tàng trữ, sử dụng dưới mọi hình thức các chất kích thích như thuốc phiện, các chế phẩm của nó, uống rượu, bia hoặc nước uống có độ cồn từ 12 độ trở lên.

5.3. Tàng trữ, lưu hành, truyền bá phim ảnh, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc, văn hóa phẩm có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực, hoặc các tài liệu chiến tranh tâm lý của các thế lực thù địch.

5.4. Đánh bạc, số đề, mại dâm, quan hệ nam nữ không lành mạnh.

5.5. Đánh nhau, gây gổ, kích động đánh nhau, băng nhóm tụ tập gây mất trật tự dưới mọi hình thức.

5.6. Có hành vi phá hoại tài sản, ăn cắp, trộm lộn.

5.7. Chứa chấp, che dấu hàng lậu và người có hành vi phạm tội.

5.8. Đưa người lạ vào khu nội trú, trong phòng ở của mình, tiếp khách quá giờ qui định. Trường hợp có người nhà đến thăm và ở lại qua đêm phải trình báo cho tổ quản lý nội trú biết sớm để được bố trí phòng khách; khách ở lại qua đêm phải có giấy tờ tùy thân và đăng ký tại phòng trực bảo vệ theo đúng nguyên tắc lưu trú; khách không được ngủ cùng phòng với học sinh, sinh viên.

5.9. Có hành động, tác phong thiếu văn hóa, gây mất trật tự, gây ô nhiễm vệ sinh môi trường như: Nói tục, chửi thề, xả rác, khạc nhổ, ăn ở luộm thuộm, mất vệ sinh trong và ngoài phòng ở, nấu ăn trong phòng, che chắn phòng ở, giường ngủ nhằm mục đích không lành mạnh, viết, vẽ bậy, tùy tiện dán quảng cáo, áp phích, đặt bát hương, thờ cúng trong phòng ở và các hành vi không lành mạnh trong quan hệ nam nữ.

5.10. Gây tiếng ồn, đi xe máy trong khu nội trú trong giờ học và giờ tự học.

5.11. Xâm phạm kho tàng và các khu vực không có liên quan đến học sinh nội trú.

5.12. Truyền đạo trái phép; hoạt động mê tín dị đoan.

PHẦN III QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN NGOẠI TRÚ

1. Thủ tục đăng ký ở ngoại trú

- Sinh viên ở ngoại trú phải đăng ký với lớp để lớp lập danh sách báo cáo với Phòng CT&CT SV và Khoa chuyên môn (ghi rõ địa chỉ thôn, xóm, xã, thị trấn ...). Sau đó làm sổ đăng ký ở ngoại trú có xác nhận của nhà trường, của công an và chính quyền địa phương; có ý kiến của gia đình chủ nhà (theo mẫu quy định của nhà trường).

- Riêng đối với sinh viên ở cùng với gia đình tại nơi trường đóng trụ sở cũng phải làm sổ đăng ký ở ngoại trú có ý kiến của gia đình, trưởng khu dân cư (không cần có xác nhận của công an địa phương).

- Tuần đầu của mỗi học kỳ sinh viên có nhu cầu ở ngoại trú phải đăng ký với lớp, lớp lập danh sách gửi về Phòng CT&CT SV; đồng thời làm sổ ngoại trú xin xác nhận của nhà trường và xác nhận của công an xã, phường, thị trấn nơi sinh viên đăng ký ở ngoại trú.

PHÁP
RỪNG
ÂM N
TỈNH
NG ĐẠI

2. Quyền của sinh viên ngoại trú

2.1. Được hưởng các quyền theo quy định hiện hành của Quy chế học sinh, sinh viên trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2.2. Được hưởng các quyền công dân cư trú trên địa bàn, được chính quyền địa phương và nhà trường tạo điều kiện thuận lợi và giúp đỡ trong quá trình ở ngoại trú.

2.3. Được quyền khiếu nại, đề đạt nguyện vọng chính đáng của mình đến chính quyền địa phương, đến nhà trường và các cơ quan có liên quan khác về những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng tại nơi cư trú.

3. Nghĩa vụ của sinh viên ở ngoại trú

3.1. Thực hiện nghĩa vụ theo quy định hiện hành của Quy chế học sinh, sinh viên trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3.2. Phải đăng ký tạm trú với công an xã (phường, thị trấn) và báo với nhà trường về địa chỉ ngoại trú của mình trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhập học.

3.3. Mười lăm (15) ngày trước khi kết thúc học kỳ, sinh viên ngoại trú phải lấy ý kiến nhận xét của chủ nhà trọ, trưởng khu dân cư và nộp cho CVHT/GVCN làm cơ sở xét điểm rèn luyện học kỳ.

3.4. Khi thay đổi chỗ ở ngoại trú mới, sinh viên phải làm lại thủ tục đăng ký tạm trú với Công an (phường, xã, thị trấn) và báo cáo với nhà trường về địa chỉ ngoại trú mới của mình qua Phòng CT&CT SV trong thời hạn 20 ngày.

3.5. Trường hợp sinh viên làm mất sổ ngoại trú phải báo cáo ngay với Phòng CT&CT SV xem xét, để làm lại sổ mới.

3.6. Sinh viên ngoại trú, có trách nhiệm thực hiện các điều khoản trong hợp đồng với chủ nhà trọ.

3.7. Sinh viên ngoại trú, phải thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp của nhà nước, các quy định của địa phương về trật tự trị an, giữ gìn môi trường sống lành mạnh và thực hiện nghiêm chỉnh nội quy, quy chế về Công tác sinh viên của trường.

3.8. Tích cực tham gia các hoạt động do địa phương tổ chức như: văn thể, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống tội phạm, ma túy, mại dâm.

4. Các hành vi sinh viên ngoại trú không được làm

4.1. Sản xuất, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ sử dụng ma túy, chất gây nổ, chất độc hại, chất gây cháy và các loại vũ khí.

4.2. Tham gia các hoạt động đánh bạc, số đề, mại dâm, đua xe trái phép.

4.3. Tàng trữ và lưu hành, sử dụng và truyền bá băng đĩa, phim ảnh, các văn hoá phẩm đòi truy, kích động bạo lực, các tài liệu có nội dung phản động.

4.4. Gây ồn ào mất trật tự và các hành vi thiếu văn hoá, gây gỗ, kích động đánh nhau; tổ chức băng nhóm, bè phái, tụ tập gây mất trật tự trị an, gây ô nhiễm môi trường.

4.5. Truyền đạo trái phép, truyền bá mê tín, hủ tục xấu.

RIEN
U
HOC
TẠI
AI
NGHI

PHẦN IV

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN

1. Tiêu chí và thang điểm đánh giá

1.1. Đánh giá về ý thức tham gia học tập: 20 điểm.

1.1.1. Ý thức và thái độ học tập:

- Chấp hành đầy đủ các quy định về học tập: như không trễ giờ, vắng học, lao động, hội họp; cúp tiết, mất trật tự trong giờ học: 3 điểm.

- Vi phạm: mỗi lỗi trừ 1 điểm (tổng điểm trừ không quá 3 điểm).

1.1.2. Tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học: 2 điểm.

- Cấp khoa: 1 điểm.

- Cấp trường: 2 điểm.

- Cộng 1 điểm đối với sinh viên năm nhất.

1.1.3. Ý thức tham gia kỳ thi, cuộc thi:

- Không vi phạm quy chế thi, kiểm tra: 3 điểm.

- Vi phạm quy chế thi, kiểm tra: 0 điểm.

1.1.4. Có tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập:

- Xếp loại về học lực của học kỳ sau không thấp hơn học kỳ trước: 2 điểm.

- Xếp loại về học lực của học kỳ sau thấp hơn học kỳ trước: 0 điểm.

- Cộng 2 điểm đối với học kỳ đầu năm nhất.

1.1.5. Kết quả học tập:

- Đạt điểm TBC tích lũy từ 3.20 trở lên: 10 điểm.

- Đạt điểm TBC tích lũy từ 2.50 đến 3.19: 8 điểm.

- Đạt điểm TBC tích lũy từ 2.00 đến 2.49 : 6 điểm.

- Đạt điểm TBC tích lũy từ 1.50 đến 1.99: 5 điểm.

- Đạt điểm TBC tích lũy từ 1.00 đến 1.49: 4 điểm.

- Đạt điểm TBC tích lũy dưới 1.00: 0 điểm.

1.2. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường: 25 điểm.

1.2.1. Chấp hành đầy đủ những quy định trong các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan cấp trên: 5 điểm.

1.2.2. Không uống rượu, hút thuốc, vi phạm pháp luật về giao thông, đánh nhau, gây mất trật tự hoặc liên quan đến ma túy, tệ nạn xã hội: 5 điểm;

- Vi phạm mỗi lỗi trừ 1 điểm.

- Bị xử lý kỷ luật: 0 điểm.

1.2.3. Chấp hành tốt về quy định về tư cách tác phong sinh viên trong nhà trường: 5 điểm;

- Vi phạm mỗi lượt trừ 1 điểm.

- Bị xử lý kỷ luật: 0 điểm.

1.2.4. Đóng học phí, phí nội trú đúng quy định: 5 điểm. Trễ nộp học phí, phí nội trú không có lý do: 0 điểm; đồng thời bị xử lý kỷ luật theo quy định.

1.2.5. Chấp hành tốt các quy định đối với sinh viên nội trú và ngoại trú; Nộp sổ đăng ký nơi ở có nhận xét đúng quy định: 5 điểm.

- Vi phạm mỗi lỗi trừ: 2 điểm.

- Bị xử lý kỷ luật: 0 điểm.

1.3. Đánh giá ý thức tham gia hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, TDTT và phòng chống tội phạm và các TNXH: 20 điểm.

1.3.1. Là Đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội viên các tổ chức Hội. Được đánh giá phân loại đoàn viên, hội viên loại khá: 3 điểm; xuất sắc: 5 điểm.

1.3.2. Tham gia đầy đủ các đợt sinh hoạt chính trị, giáo dục ngoại khóa, các buổi hội họp, mít tinh toàn trường, toàn khoa: 5 điểm. Vắng mỗi buổi trừ 2 điểm.

1.3.3. Là thành viên Đội ANXK-HSSV; Các đội hình thanh niên tình nguyện; Thành viên các câu lạc bộ, các đội, nhóm tuyên truyền viên, thuyết trình viên... (Có quyết định thành lập): 3 điểm.

1.3.4. Tham gia hoặc tham dự các hoạt động văn thể, các hoạt động tuyên truyền phòng chống tội phạm và các TNXH ... ở cấp khoa trở lên: Tham gia: 3 điểm; tham dự: 2 điểm.

1.3.5. Đạt giải trong các hội thao, hội diễn, hội thi ...: 4 điểm.

- Cấp khoa: Nhất: 3 điểm; Nhì 2 điểm; Ba: 1 điểm.

- Cấp trường trở lên: Nhất: 4 điểm; Nhì: 3 điểm; Ba: 2 điểm; Khuyến khích: 1 điểm.

1.4. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng: 25 điểm.

1.4.1. Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước: 10 điểm.

1.4.2. Chấp hành tốt quy chế phối hợp về an ninh, tổ giác tội phạm; không gây mất đoàn kết: 6 điểm.

1.4.3. Có tinh thần tương thân, đoàn kết giúp đỡ mọi người, làm tốt công tác đền ơn đáp nghĩa và các hoạt động xã hội từ thiện: 7 điểm.

1.4.4. Tham gia hoạt động hiến máu nhân đạo, các phong trào do địa phương phát động: 1 điểm.

1.4.5. Được các cấp địa phương khen thưởng: 1 điểm.

1.5. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể hoặc sinh viên có thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện: 10 điểm.

1.5.1. Là cán bộ lớp, Đoàn, Hội: là lớp trưởng, các lớp phó và bí thư, phó bí thư chi đoàn, ủy viên Ban thường vụ Đoàn trường, phó bí thư liên chi, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm các câu lạc bộ: 2 điểm; là tổ trưởng, nhóm trưởng các câu lạc bộ, trưởng phòng ở nội trú, ủy viên chi đoàn, liên chi: 1 điểm.

1.5.2. Cá nhân cán bộ lớp, đoàn, hội, tổ trưởng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được CVHT/GVCN và tập thể lớp, tổ quản lý nội trú công nhận: 1 điểm.

1.5.3. Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp: 3 điểm, của khoa: 4 điểm và nhà trường: 5 điểm (có xác nhận ở từng cấp).

1.5.4. Được nhà trường khen thưởng thành tích học tập và rèn luyện: 2 điểm (Áp dụng đối với học kỳ đầu năm nhất, đối với sinh viên đủ điều kiện đưa vào danh sách xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học kỳ thứ hai trở đi).

2. Phân loại kết quả rèn luyện

2.1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: Xuất sắc, Tốt, Khá, Trung bình, Yếu và Kém:

- | | |
|----------------------------|-------------|
| a) Từ 90 đến 100 điểm: | Xuất sắc. |
| b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: | Tốt. |
| c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: | Khá. |
| d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: | Trung bình. |
| e) Từ 35 đến dưới 50 điểm: | Yếu. |
| f) Dưới 35 điểm: | Kém. |

2.2. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật khi phân loại kết quả rèn luyện:

- Không được vượt quá loại khá nếu bị kỷ luật mức khiển trách.
- Không được vượt quá loại trung bình nếu bị kỷ luật mức cảnh cáo.
- Không đánh giá trong thời gian bị đình chỉ học tập.

2.3. Sinh viên hoàn thành chương trình học chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục đánh giá trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình.

2.4. Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật không có khả năng tham gia các hoạt động rèn luyện được ưu tiên, khuyến khích cộng điểm thông qua nỗ lực và sự tiến bộ của người học.

2.5. Sinh viên học đồng thời 2 chương trình được đánh giá kết quả rèn luyện tại lớp học chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của Đơn vị chức năng nơi sinh viên học chương trình thứ 2 để đánh giá thêm. Khi chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì lớp học chương trình thứ 2 tiếp tục đánh giá.

2.6. Sinh viên được bảo lưu kết quả rèn luyện của cơ sở giáo dục đại học cũ khi được chuyển trường và tiếp tục đánh giá ở các kỳ học tiếp theo tại lớp chuyển đến.

2.7. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện và sẽ được đánh giá tiếp khi đủ điều kiện trở lại học tập.

3. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

3.1. Từng sinh viên căn cứ vào kết quả rèn luyện, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết theo các tiêu chí quy định tại mục I của quy định này.

3.2. Giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập tổ chức họp lớp, tiến hành xem xét và thông qua mức điểm của từng sinh viên trên cơ sở các minh chứng xác nhận kết quả và phải được quá nửa ý kiến đồng ý của sinh viên trong lớp và phải có biên bản kèm theo.

Hồ sơ và kết quả họp xét của các lớp được gửi về khoa chuyên môn theo kế hoạch quy định.

3.3. Hội đồng đánh giá kết quả điểm rèn luyện của khoa chuyên môn họp xét và gửi kết quả về Thường trực hội đồng trường (Phòng CT&CT SV) để tổng hợp trình hội đồng trường họp xem xét.

3.4. Hội đồng trường họp xét, thống nhất trình Giám đốc xem xét để quyết định công nhận kết quả.

3.5. Phòng CT&CT SV phải công bố và thông báo công khai kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên trước khi Giám đốc ban hành quyết định chính thức.

4. Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện

4.1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên được tiến hành theo từng học kỳ, năm học và toàn khoá học.

4.2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá chi tiết nêu ở phần I.

4.3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

4.4. Điểm rèn luyện toàn khoá là trung bình chung cộng của điểm rèn luyện các học kỳ trong toàn khoá học.

5. Xử lý kết quả rèn luyện

5.1. Kết quả phân loại rèn luyện từng học kỳ, năm học của từng sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của Phân hiệu, được sử dụng để xét khen thưởng – kỷ luật, xét học bổng, xét thôi học và ghi vào bảng điểm kết quả học tập và rèn luyện của từng sinh viên khi ra trường.

5.2. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được Phân hiệu xem xét biểu dương, khen thưởng.

5.3. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện kém trong cả năm học thì phải tạm ngừng học một năm học ở năm học tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện kém cả năm lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

6. Quyền khiếu nại

Sinh viên có quyền khiếu nại lên các Phòng ban chức năng hoặc Giám đốc nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác. Khi nhận được đơn khiếu nại, nhà trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định hiện hành.

PHẦN V QUY ĐỊNH VỀ TỰ HỌC VÀ TƯ CÁCH TÁC PHONG

1. Quy định về tự học

1.1. Thời gian tự học:

1.1.1. Buổi sáng: Từ 07h00 đến 11h00.

1.1.2. Buổi chiều: Từ 13h30 đến 16h30.

1.1.3. Buổi tối: Từ 19h00 đến 21h30.

1.2. Địa điểm: Tại phòng ở khu nội trú, giảng đường và nhà trọ, nhà riêng.

1.3. Yêu cầu:

1.3.1. Học đúng giờ, đủ giờ, đúng vị trí theo đăng ký. Sinh viên ở ngoại trú muốn vào học trong trường phải đăng ký với lớp để lớp lập danh sách báo Ban quản lý khu nội trú để theo dõi và quản lý.

1.3.2. Trong giờ tự học, sinh viên không được đi lại lộn xộn, làm việc riêng, ca hát, chơi thể thao, mở Radio, Catssette, đi xe máy, xe đạp trong khu nội trú làm ảnh hưởng tới sinh viên khác.

1.3.3. Không được đóng cửa chính tại phòng học, phòng ở trong giờ tự học.

1.3.4. Trang phục: gọn gàng, lịch sự, văn minh.

2. Quy định về tư cách tác phong của sinh viên

Sinh viên khi đến trường để học tập, thực hành thực tập, lao động và liên hệ giải quyết công việc với các đơn vị trong trường phải đảm bảo các yêu cầu về tư cách, tác phong như sau:

2.1. Trang phục: Mọi sinh viên đều mặc quần tây hoặc quần Jean; áo sơ-mi có cổ, áo bỏ trong quần, mang giày hoặc dép có quai hậu, đầu tóc gọn gàng và đeo thẻ sinh viên (*giờ học thể dục, thực hành, thực tập và lao động, sinh viên ăn mặc sao cho phù hợp với yêu cầu của từng hoạt động*).

2.2. Đi đứng ngay ngắn, nghiêm túc, đúng luật giao thông đường bộ, không xô đẩy, chen lấn nhau trên đường đi.

2.3. Giao tiếp văn minh, không nói tục, chửi thề. Phải tôn trọng, lễ phép với Cán bộ viên chức, lao động và giảng viên nhà trường.

2.4. Không sử dụng điện thoại, máy nghe nhạc, máy nhắn tin và các thiết bị thu phát khác trong giờ học.

PHẦN VI QUY ĐỊNH VỀ CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

1. Chế độ miễn, giảm học phí

1.1. Đối tượng được miễn, giảm học phí:

1.1.1. Đối tượng được miễn 100% học phí:

a. Sinh viên là anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (nếu có);

b. Sinh viên là con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (nếu có); con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (nếu có); con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh; con của người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

c. Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

d. Sinh viên hệ cử tuyển;

e. Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của thủ tướng chính phủ;

f. Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn:

- Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thên, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, BRâu, Ô Đu.

- Vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được xác định theo các văn bản quy định tại phụ lục I kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

1.1.2. Đối tượng được giảm 70% học phí:

Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người được miễn 100% học phí) ở vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại phụ lục I kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

1.1.3. Đối tượng được giảm 50% học phí:

Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

1.1.4. Không áp dụng trong một số trường hợp:

- Học sinh, sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí nếu đồng thời học ở nhiều cơ sở giáo dục hoặc nhiều khoa, nhiều ngành trong cùng một trường thì được hưởng một chế độ ưu đãi.

- Không áp dụng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí đối với học sinh, sinh viên trong trường hợp đã hưởng chế độ này tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học, nay tiếp tục học thêm ở một cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học khác cùng cấp học và trình độ đào tạo.

- Không áp dụng chế độ miễn, giảm học phí đối với trường hợp đang hưởng lương và sinh hoạt phí khi đi học, các trường hợp học cao học, nghiên cứu sinh.

1.2. Thủ tục và hồ sơ miễn, giảm học phí:

Vào đầu năm học hoặc học kỳ, các đối tượng nêu trên phải làm đơn đề nghị xét miễn, giảm học phí theo hướng dẫn và nộp các giấy tờ hợp lệ, cụ thể như sau:

- Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với đối tượng được quy định tại điểm a, b khoản 1.1, mục đối tượng miễn giảm học phí của quy định này.

- Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và giấy tờ chứng minh là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã cấp hoặc xác nhận đối với đối tượng sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.

- Giấy khai sinh và giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc xác nhận cho đối tượng người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.

- Giấy khai sinh và sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy đăng ký tạm trú đối với đối tượng sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít được miễn 100% học phí và đối tượng là người dân tộc thiểu số được giảm 70% ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

- Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối với đối tượng giảm 50% học phí.

Người học thuộc diện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào đầu mỗi học kỳ phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo.

2. Chế độ Trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập

- Căn cứ thông tư số 153/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐT&XH ngày 25/8/1998 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

- Căn cứ quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số;

- Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

- Thông tư số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC, ngày 15/10/2014 của liên bộ Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

2.1. Chế độ Trợ cấp xã hội:

2.1.1. Đối tượng: Là sinh viên đang học các hệ chính quy tập trung dài hạn tại Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Gia Lai, thuộc các đối tượng như sau;

a) Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao (căn cứ vào giấy khai sinh hoặc giấy kết hôn của bố mẹ), có hộ khẩu thường trú ở vùng cao từ 3 năm trở lên (tính từ thời điểm nhập học trở về trước).

b) Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa (phải xuất trình giấy xác nhận của cơ quan TBXH cấp quận, huyện, thị xã nơi cư trú là mồ côi cả cha lẫn mẹ không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên).

c) Sinh viên là người tàn tật theo quy định của nhà nước tại quy định số 81/CP ngày 23/11/1995 là người khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật (phải xuất trình biên bản giám định y khoa của Hội đồng Y khoa có thẩm quyền; giấy xác nhận của ủy ban nhân dân xã, phường về hoàn cảnh kinh tế khó khăn).

d) Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập.

2.1.2. Mức hưởng trợ cấp xã hội:

- Đối tượng thuộc điểm a, mục 1, được hưởng 140.000đ/tháng.

- Đối tượng thuộc điểm b, c, d, mục 1, hưởng 100.000đ/tháng.

2.1.3. Số tháng cấp: 12 tháng/năm.

2.1.4. Thủ tục:

- Sinh viên làm đơn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi thường trú.

- Nộp bản sao có công chứng các giấy tờ liên quan theo quy định.

2.1.5. Thời gian nộp hồ sơ: Vào đầu mỗi năm học hoặc học kỳ.

2.1.6. Nơi nhận hồ sơ: Phòng Chính trị và công tác sinh viên.

2.2. Chế độ hỗ trợ chi phí học tập:

2.2.1. Đối tượng: Sinh viên đại học hệ chính quy là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của nhà nước. (Không áp dụng với sinh viên cử tuyển, xét tuyển, liên thông, văn bằng 2 và sinh viên sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học).

2.2.2. Mức hỗ trợ: Bằng 60% mức lương tối thiểu chung và được hưởng 10 tháng/năm/sinh viên.

2.2.3. Thủ tục, hồ sơ:

a) Sinh viên gửi hồ sơ về trường thông qua Phòng Chính trị và CT SV.

Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập theo hướng dẫn.
- Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có công chứng).
- Giấy khai sinh (bản sao có công chứng).

b) Sinh viên thuộc diện hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải nộp hồ sơ 01 lần vào đầu năm học. Trong năm học, nếu gia đình sinh viên thuộc diện đã thoát nghèo thì sinh viên có trách nhiệm nộp văn bản chứng nhận hộ đã thoát nghèo để dừng việc chi trả chi phí học tập cho kỳ tiếp theo.

Đối với sinh viên chưa thuộc diện hỗ trợ chi phí học tập, nếu trong năm học, gia đình sinh viên được bổ sung diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì nộp hồ sơ bổ sung đối tượng hưởng chính sách làm căn cứ chi trả chi phí học tập trong kỳ tiếp theo. Thời gian được hưởng theo hiệu lực của Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

c) Trường hợp trong quá trình học tập, sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập không nộp đơn đề nghị kèm theo đầy đủ các giấy tờ cần thiết theo qui định thì chỉ được chi trả chi phí học tập tính từ ngày nhà trường nhận được đầy đủ hồ sơ đến khi kết thúc khóa học và không được giải quyết truy lĩnh tiền hỗ trợ chi phí học tập đối với thời gian đã học từ trước thời điểm sinh viên gửi hồ sơ đề nghị kèm theo các giấy tờ cần thiết có liên quan.

3. Chế độ học bổng khuyến khích học tập (HBKKHT)

Căn cứ 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định, chi tiết một số điều của Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019.

3.1. Đối tượng xét cấp:

Sinh viên có điểm Trung bình trung học tập và điểm rèn luyện như bảng sau dưới đây; không có điểm kết thúc học phần dưới mức trung bình; không bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.

ĐTBCHT \ ĐRL	Khá	Tốt	Xuất sắc
Khá	Khá	Khá	Khá
Giỏi	Khá	Giỏi	Giỏi
Xuất sắc	Khá	Giỏi	Xuất sắc

Sinh viên đào tạo theo học chế tín chỉ được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập theo số lượng tín chỉ sinh viên đăng ký trong học kỳ đó (≥ 14 tín chỉ).

3.2. Mức học bổng khuyến khích học tập:

3.2.1. *Loại khá:* Bằng mức học phí hàng tháng đối với từng bậc học.

3.2.2. *Loại giỏi:* Cao hơn mức học bổng KKHT loại khá ở từng bậc học tương ứng là 100.000 đồng.

3.2.3. *Loại xuất sắc:* Cao hơn mức học bổng KKHT loại giỏi ở từng bậc học tương ứng là 100.000 đồng.

Căn cứ vào nguồn thu học phí hệ giáo dục chính quy, nhà trường trích tỷ lệ để lập quỹ học bổng khuyến khích học tập theo quy chế chi tiêu nội bộ của trường hàng năm và số lượng suất học bổng khuyến khích học tập được xác định cho từng khoá học, ngành học. Việc xét, cấp học bổng theo thứ tự từ loại xuất sắc trở xuống đến hết số suất học bổng đã được xác định. Trường hợp nếu không hết suất học bổng, hội đồng xét học bổng nhà trường sẽ xét đến đặc thù ngành nghề và kết quả học tập, rèn luyện để điều chỉnh.

3.3. **Thời gian cấp:** Học bổng khuyến khích học tập được cấp theo từng học kỳ và cấp 10 tháng trong năm học.

4. Học bổng chính sách (HBCS)

Căn cứ 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định, chi tiết một số điều của Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019.

4.1. Đối tượng:

- Là Học sinh dự bị đại học.
- Là những HSSV hệ cử tuyển thuộc đối tượng nhà nước quy định.

4.2. **Mức học bổng:** Mức học bổng bằng 80% lương Cơ sở do nhà nước quy định.

4.3. **Số tháng cấp:** 12 tháng/năm.

4.4. Thủ tục xét, cấp học bổng chính sách:

Khi nhập trường, học sinh, sinh viên, học viên nộp hồ sơ cho nhà trường thông qua Phòng CT&CT SV, gồm có:

- Bản sao giấy khai sinh;
- Bản sao hợp lệ giấy báo trúng tuyển;
- Bản cam kết của học sinh, sinh viên theo hướng dẫn.

Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên theo chế độ cử tuyển.

5. HSSV diện chính sách ưu đãi

Thông tư số 36/2015/TT-BLĐTBXH, ngày 28 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và xã hội hướng dẫn hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ.

5.1. Đối tượng và mức trợ cấp:

- a) Đối tượng : SV là người có công với cách mạng và con của họ, gồm có:
- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.
 - Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến.
 - Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B (sau đây gọi chung là thương binh).
 - Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến.
 - Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.
 - Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.
 - Con của liệt sĩ.
 - Con của thương binh.
 - Con của bệnh binh.
 - Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.
- b) Mức trợ cấp: Các mức trợ cấp được thực hiện theo Nghị định số 20/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định mức trợ cấp, phụ cấp đối với người có công với cách mạng.
- c) Học sinh, sinh viên thuộc nhiều diện được hưởng chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo thì chỉ hưởng một chế độ ưu đãi mức cao nhất.
- d) Sinh viên cùng một lúc học ở nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học hoặc nhiều khoa, nhiều ngành trong cùng một cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi mức cao nhất tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học.
- e) Không áp dụng chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với học sinh, sinh viên thuộc một trong các trường hợp sau:
- Đang hưởng lương hoặc sinh hoạt phí khi đi học;
 - Đã hưởng chế độ ưu đãi tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học;
 - Người có công bị đình chỉ chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

f) Các chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo theo quy định này không thay thế chế độ học bổng chính sách, chế độ học bổng khuyến khích học tập và rèn luyện theo quy định hiện hành.

5.2. Trình tự, thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi:

Thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 36/2015/TT-BLĐTBXH, ngày 28 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và xã hội hướng dẫn hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ.

T TR
IỆU
VI H
ỆP T
. LA
LÂM N

PHẦN VII

QUY ĐỊNH VỀ THU NỘP HỌC PHÍ VÀ PHÍ NỘI TRÚ

1. Đối tượng nộp học phí và phí nội trú

1.1. Đối tượng nộp học phí:

Các Sinh viên đang theo học tại Trường không thuộc diện được miễn, giảm học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021.

1.2. Đối tượng nộp phí nội trú: Là những Sinh viên ở trong khu nội trú của Nhà trường.

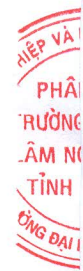
1.3. Mức nộp học phí và phí nội trú: Theo quy định hàng năm của nhà trường.

2. Thời gian nộp học phí và phí nội trú

2.1. Thời gian: Trong tháng đầu mỗi học kỳ.

2.2. Địa điểm nộp: Nộp qua thẻ ATM hoặc Phòng Tài chính - Kế toán.

3. Mức thu học phí, phí nội trú: Theo quy định hàng năm của Phân hiệu.



PHẦN VIII

QUY ĐỊNH VỀ KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT SINH VIÊN

Căn cứ thông tư 10/2016/TT-BGDĐT, ngày 05/4/2016 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy; Giám đốc quy định chi tiết nội dung và hình thức khen thưởng kỷ luật của sinh viên Phân hiệu như sau:

1. Khen thưởng sinh viên

1.1. Nội dung, hình thức khen thưởng:

1.1.1. Khen thưởng thường xuyên, kịp thời đối với cá nhân và tập thể lớp sinh viên đạt thành tích xứng đáng để biểu dương, khen thưởng. Cụ thể:

a) Đạt giải trong các cuộc thi Olympic các môn học, thi nghiên cứu khoa học, các cuộc thi sáng tạo kỹ thuật, học thuật, văn hóa, văn nghệ, thể thao;

b) Đóng góp có hiệu quả trong công tác Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, trong hoạt động thanh niên xung kích, sinh viên tình nguyện, giữ gìn an ninh trật tự, các hoạt động trong lớp, khoa, trong ký túc xá, trong hoạt động xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao;

c) Có thành tích trong việc thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, bảo đảm an ninh, trật tự trường học, phòng chống tệ nạn xã hội, dũng cảm cứu người bị nạn, chống tiêu cực, tham nhũng;

d) Các thành tích đặc biệt khác.

Nội dung, mức khen thưởng thường xuyên do Giám đốc quy định.

1.1.2. Thi đua, khen thưởng toàn diện, định kỳ đối với cá nhân và tập thể lớp sinh viên được tiến hành vào cuối năm, khóa học. cụ thể:

a) Khen thưởng cuối năm học:

* Đối với cá nhân sinh viên:

- Danh hiệu cá nhân gồm 3 loại: Khá, Giỏi, Xuất sắc.

- Tiêu chuẩn xếp loại danh hiệu cá nhân như sau:

+ Đạt danh hiệu sinh viên Khá: xếp loại học tập và rèn luyện từ khá trở lên;

+ Đạt danh hiệu sinh viên Giỏi: xếp loại học tập từ giỏi trở lên và xếp loại rèn luyện từ tốt trở lên;

+ Đạt danh hiệu sinh viên Xuất sắc: xếp loại học tập đạt xuất sắc và rèn luyện xuất sắc.

- Cá nhân sinh viên đạt các danh hiệu Khá, Giỏi, Xuất sắc được Giám đốc tặng giấy khen và thưởng theo quy định hiện hành.

- Danh hiệu cá nhân được lưu vào hồ sơ quản lý sinh viên.

- Không xét khen thưởng đối với sinh viên bị kỷ luật hoặc có điểm kết thúc học phần trong năm học đó dưới mức trung bình.

* Đối với tập thể lớp sinh viên:

- Danh hiệu tập thể lớp sinh viên gồm 2 loại: Lớp sinh viên tiên tiến và Lớp sinh viên xuất sắc.

- Đạt danh hiệu Lớp sinh viên tiên tiến nếu đạt các tiêu chuẩn sau:

+ Có từ 25% Sinh viên đạt danh hiệu sinh viên khá trở lên;

+ Có cá nhân đạt danh hiệu sinh viên giỏi trở lên;

+ Không có cá nhân xếp loại học tập bị cảnh báo học tập hoặc rèn luyện kém, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

+ Tập thể đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện, tổ chức nhiều hoạt động thi đua và tích cực hưởng ứng phong trào thi đua trong nhà trường.

- Đạt danh hiệu Lớp sinh viên xuất sắc nếu đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu lớp sinh viên tiên tiến và có từ 10% sinh viên đạt danh hiệu sinh viên giỏi trở lên, có cá nhân đạt danh hiệu sinh viên xuất sắc.

- Lớp sinh viên đạt danh hiệu tiên tiến, xuất sắc được Giám đốc tặng giấy khen và thưởng theo quy định hiện hành.

b) Khen thưởng toàn khóa học:

* Đối với cá nhân:

- Danh hiệu: sinh viên Khá, Giỏi, Xuất sắc toàn khóa.

- Các tiêu chuẩn cho các danh hiệu như phần a. Điểm TBCHT và điểm rèn luyện xét là điểm TBCHT và điểm rèn luyện toàn khóa học. Riêng các học phần kiến thức chuyên nghiệp (*sau kiến thức phần đại cương*) không có điểm kết thúc học phần dưới trung bình.

* Đối với tập thể lớp sinh viên:

- Danh hiệu: Lớp sinh viên tiên tiến toàn khóa học và lớp sinh viên xuất sắc toàn khóa học.

- Các tiêu chuẩn cho các danh hiệu tập thể như phần a. danh hiệu sinh viên khá, giỏi, xuất sắc để xét các danh hiệu tập thể là danh hiệu cá nhân toàn khóa học.



1.2. Trình tự, thủ tục xét khen thưởng:

1.2.1. Vào đầu năm học, sinh viên, các lớp sinh viên đăng ký danh hiệu thi đua cá nhân và tập thể lớp sinh viên với nhà trường (theo mẫu quy định).

1.2.2. Thủ tục xét khen thưởng:

a) Căn cứ vào thành tích đạt được trong học tập và rèn luyện của sinh viên, các lớp sinh viên tiến hành lập danh sách kèm theo bản thành tích cá nhân và tập thể lớp, có xác nhận của giáo viên chủ nhiệm, đề nghị lên Khoa chuyên môn xem xét;

b) Khoa chuyên môn tổ chức họp, xét và đề nghị lên Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật của Phân hiệu xét duyệt;

c) Căn cứ vào đề nghị của Khoa chuyên môn và Phòng CT&CT SV, Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật của Phân hiệu tổ chức xét và đề nghị Giám đốc công nhận danh hiệu đối với cá nhân và tập thể lớp sinh viên.

2. Kỷ luật sinh viên

2.1. Hình thức kỷ luật và nội dung vi phạm:

2.1.1. Những sinh viên có hành vi vi phạm thì tùy tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau:

a) Khiển trách: áp dụng đối với sinh viên có hành vi vi phạm lần đầu nhưng ở mức độ nhẹ;

b) Cảnh cáo: áp dụng đối với sinh viên đang trong thời gian bị khiển trách mà tái phạm hoặc vi phạm ở mức độ nhẹ nhưng hành vi vi phạm có tính chất thường xuyên hoặc mới vi phạm lần đầu nhưng mức độ tương đối nghiêm trọng;

c) Đình chỉ học tập có thời hạn: áp dụng đối với những sinh viên đang trong thời gian bị cảnh cáo mà vẫn vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm nghiêm trọng các hành vi HSSV không được làm; Sinh viên bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Tùy từng trường hợp cụ thể, Giám đốc quyết định các mức: đình chỉ một học kỳ, đình chỉ một năm học hoặc đình chỉ theo thời gian sinh viên bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

d) Buộc thôi học: áp dụng đối với sinh viên đang trong thời gian bị đình chỉ học tập mà vẫn tiếp tục vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm lần đầu nhưng có tính chất và mức độ vi phạm nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến nhà trường và xã hội; vi phạm pháp luật bị xử phạt tù giam.

2.1.2. Hình thức kỷ luật của sinh viên từ cảnh cáo trở lên phải được ghi vào hồ sơ quản lý sinh viên và thông báo cho gia đình sinh viên. Trường hợp sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập có thời hạn và buộc thôi học, nhà trường sẽ gửi thông báo cho địa phương và gia đình sinh viên biết để phối hợp quản lý, giáo dục.

2.1.3. Nội dung vi phạm và khung xử lý kỷ luật thực hiện theo quy định Phụ lục kèm theo Quy định này.

2.2. Trình tự, thủ tục và hồ sơ xét kỷ luật:

2.2.1. Thủ tục xét kỷ luật:

a) Sinh viên có hành vi vi phạm phải làm bản tự kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật. Trong trường hợp sinh viên không chấp hành làm bản tự kiểm điểm thì hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên vẫn họp để xử lý trên cơ sở các chứng cứ thu thập được.

b) Giáo viên chủ nhiệm lớp sinh viên chủ trì họp với tập thể lớp sinh viên, phân tích và đề nghị hình thức kỷ luật gửi lên Khoa chuyên môn.

c) Khoa xem xét, đề nghị lên Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật của nhà trường.

d) Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật nhà trường tổ chức họp để xét kỷ luật, thành phần bao gồm: Các thành viên hội đồng, đại diện tập thể lớp có sinh viên vi phạm và sinh viên vi phạm. Sinh viên vi phạm kỷ luật đã được mời mà không đến dự (nếu không có lý do chính đáng), không có bản tự kiểm điểm thì hội đồng vẫn tiến hành họp và xét thêm khuyết điểm thiếu ý thức tổ chức kỷ luật.

Hội đồng kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật, đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định kỷ luật bằng văn bản.

2.2.2. Hồ sơ xử lý kỷ luật của Sinh viên:

- a. Bản tự kiểm điểm (nếu có).
- b. Biên bản của tập thể lớp họp kiểm điểm sinh viên có hành vi vi phạm.
- c. Biên bản của Khoa chuyên môn.
- d. Các tài liệu có liên quan.

2.3. Chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật:

a. Đối với trường hợp bị Khiển trách: sau 03 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật, nếu sinh viên không tái phạm hoặc không có những vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đương nhiên được chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật và được hưởng quyền lợi của sinh viên kể từ ngày quyết định kỷ luật chấm dứt hiệu lực.

b. Đối với trường hợp bị Cảnh cáo: sau 06 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật, nếu sinh viên không tái phạm hoặc không có những vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đương nhiên được chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật và được hưởng quyền lợi của sinh viên kể từ ngày quyết định kỷ luật chấm dứt hiệu lực.

c. Đối với trường hợp đình chỉ học tập có thời hạn: khi hết thời hạn đình chỉ, sinh viên phải xuất trình chứng nhận của địa phương (xã, phường, thị trấn) nơi cư trú về việc chấp hành tốt nghĩa vụ công dân tại địa phương; Chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để nhà trường xem xét, tiếp nhận vào học tiếp nếu đủ điều kiện.

d. Cấp có thẩm quyền quyết định kỷ luật phải có điều khoản ghi rõ thời gian sinh viên bị thi hành kỷ luật, tính từ khi ban hành quyết định kỷ luật đến thời điểm hết thời hạn bị kỷ luật theo quy định.

PHÁ
ÂN H
NG Đ
NGHI
+ GIA
/ HỌC

Phụ lục: NỘI DUNG VI PHẠM VÀ KHUNG XỬ LÝ KỶ LUẬT

TT	Tên vụ việc vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức kỷ luật (Số lần tính cho cả khóa học)				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thôi học	
1	2	3	4	5	6	7
1	Đến muộn giờ học, thực hành, thực tập.					Xử lý trừ vào điểm quá trình theo quy định môn học.
2	Mất trật tự, làm việc riêng trong giờ học, thực tập, tự học.					Xử lý trừ vào điểm quá trình theo quy định môn học.
3	Nghỉ học, thực hành, thực tập.					Xử lý theo quyết định số 1597/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 30/7/2018 của Hiệu trưởng trường ĐHLN
4	Nghỉ sinh hoạt lớp, sinh hoạt tập thể không phép.	Lần 2	Lần 3			Số lần vi phạm theo học kỳ.
5	Vô lễ với thầy cô giáo, CBVC-LĐ nhà trường.					Tùy mức độ và số lần, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học.
6	Học thay, thực tập thay hoặc nhờ người khác học thay, thực tập thay.		Lần 1	Lần 2	Lần 3	
7	Thi, kiểm tra thay hoặc nhờ thi kiểm tra thay; làm thay, nhờ làm hoặc sao chép tiểu luận, đề án, khóa luận TN.			Lần 1	Lần 2	
8	Tổ chức học, thi, kiểm tra thay; tổ chức làm thay tiểu luận, đề án, khóa luận TN.				Lần 1	

9	Mang tài liệu vào phòng thi, đưa đề thi ra ngoài, ném tài liệu vào phòng thi và các hình thức gian lận khác đã bị xử lý theo quy chế đào tạo.					Xử lý từ khiển trách đến cảnh cáo căn cứ mức xử lý theo quy chế đào tạo.
10	Trễ nộp học phí, lệ phí KTX quá hạn quy định không có lý do.	Lần 1	Lần 2			Thông báo về gia đình sinh viên.
11	Không nộp học phí, bảo hiểm y tế hàng năm mà không có lý do chính đáng.		Lần 1	Lần 2	Lần 3	
12	Làm hư hỏng tài sản trong KTX và các tài sản khác của trường.					Tùy mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học và phạt bồi thường thiệt hại.
13	Uống rượu bia trong giờ học; say rượu bia khi đến lớp.	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	
14	Tổ chức uống rượu, bia trong KTX.		Lần 1	Lần 2	Lần 3	
15	Hút thuốc lá trong giờ học, phòng học, phòng thí nghiệm và nơi cấm hút theo quy định.	Lần 3	Lần 5			
16	Vi phạm về vệ sinh môi trường trong KTX và nơi công cộng.	Lần 2	Lần 3			
17	Đánh bạc dưới mọi hình thức.	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Tùy mức độ có thể giao cho công an xử lý
18	Tàng trữ, lưu hành, truy cập, sử dụng sản phẩm văn hóa đồi trụy hoặc tham gia các hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động tôn giáo trái phép.	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Mức độ nghiêm trọng giao công an xử lý.
19	Buôn bán, vận chuyển, tàng trữ và lôi kéo người khác sử dụng ma túy.				Lần 1	Giao công an xử lý.
20	Sử dụng ma túy.			Lần 1	Lần 2	Theo quy định về sử lý sinh viên liên quan đến ma túy.

21	Chứa chấp, môi giới hoạt động mại dâm.				Lần 1	Giao cho công an xử lý
22	Hoạt động mại dâm.	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	
23	Lấy cắp tài sản, chứa chấp, tiêu thụ tài sản do lấy cắp mà có.					Tùy mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học. nếu nghiêm trọng giao công an xử lý.
24	Cướp giật, trộm lộn, cưỡng đoạt tài sản của người khác.			Lần 1	Lần 2	Nếu nghiêm trọng giao công an xử lý.
25	Chứa chấp, buôn bán vũ khí, chất nổ và hàng cấm theo quy định của nhà nước.				Lần 1	Giao công an xử lý.
26	Đưa phân tử xấu vào trường, KTX gây ảnh hưởng xấu đến ANTT trong nhà trường.			Lần 1	Lần 2	Mức độ nghiêm trọng buộc thôi học đưa ra công an xử lý
27	Đưa người ngoài vào trường, KTX khi chưa được phép.	Lần 2	Lần 3			Vi phạm lần 3 sẽ chấm dứt hợp đồng ở KTX.
28	Đưa người ngoài vào cư trú qua đêm trong KTX khi chưa được phép.	Lần 1	Lần 2			Vi phạm lần 2 sẽ chấm dứt hợp đồng ở KTX.
29	Đưa người khác giới vào cư trú qua đêm KTX.		Lần 1			Chấm dứt hợp đồng ở KTX.
30	Gây gỗ đánh nhau, cãi, chửi nhau gây mất trật tự công cộng.	Lần 1	Lần 2			
31	Đánh nhau, tổ chức hoặc tham gia đánh nhau.		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Nếu nghiêm trọng giao công an xử lý.
32	Đánh nhau gây thương tích, đánh sinh viên khóa mới nhập học gây ảnh hưởng xấu đến nhà trường.			Lần 1	Lần 2	
33	Kích động lôi kéo người khác biểu tình, viết truyền đơn, áp phích, hoạt động tôn giáo trái với luật định.			Lần 1	Lần 2	Nếu nghiêm trọng giao công an xử lý.
34	Tham gia biểu tình, tụ tập đông người, khiếu kiện trái quy định của pháp luật.	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Nếu nghiêm trọng giao công an xử lý.

35	Đăng tải, bình luận, chia sẻ bài viết, hình ảnh có nội dung dung tục, bạo lực, đồi trụy, xâm phạm an ninh quốc gia, chống phá đảng và nhà nước, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân trên mạng Internet.					Tùy theo mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học, Nếu nghiêm trọng giao công an xử lý.
36	Có hành vi quấy rối, dâm ô, xâm phạm nhân phẩm, đời tư của người khác.					Tùy theo mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học, Nếu nghiêm trọng giao công an xử lý.
37	Vi phạm quy định về an toàn giao thông.					Tùy mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học.
38	Các vi phạm khác.	Hội đồng sẽ đưa ra quyết định tập thể nhắc nhở, phê bình hoặc xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học.				

(Ngoài việc các hành vi vi phạm bị xử lý hình thức kỷ luật; các sinh viên vi phạm còn bị trừ điểm rèn luyện theo quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên ở từng tiêu chí mà Phân hiệu đã quy định)